

Bản án số: 123/2021/HS-ST
Ngày 21-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Nghĩa;
2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đăng Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 110/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hồ Văn T, sinh năm 1987 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn Q và bà Ngô Kim N; có vợ tên Lê Thị Đài T (đã ly hôn); con: Có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt, tạm giam từ ngày 16/5/2021 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn K, sinh ngày 01 tháng 3 năm 1995 tại tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Thân Thị T; vợ, con: Không có; tiền án: Có 01 tiền án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2018/HS-ST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 13 tháng tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; chấp hành xong hình phạt chính ngày 28/5/2019, chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án ngày 31/3/2021 nhưng chưa hết thời hạn được đương nhiên xóa án tích; tiền sự: Có 01 tiền sự tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 184/QĐ-XPHC ngày 30/6/2021, Phó Trưởng Công an

thành phố N, tỉnh Tây Ninh xử phạt Nguyễn Văn K số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã thi hành quyết định ngày 02/7/2021 nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; tại Cáo trạng số 122/CT-VKSTB ngày 24/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác; có mặt.

3. Đặng Ngọc B, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1985 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn C (đã chết) và bà Trương Thị B; có vợ tên Nguyễn Thị H; con: Có 02 người con; tiền án: Có 01 tiền án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2011/HSST ngày 20/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo Đặng Ngọc B 5.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 153 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), chưa chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định khác của bản án, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh từ ngày 12/5/2021 cho đến nay; có mặt.

4. Nguyễn Văn N, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1995 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bích P; vợ, con: Không có; tiền án: Có 01 tiền án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 180/2018/HS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 năm tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, chấp hành xong hình phạt chính ngày 21/8/2020, chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án ngày 24/9/2020 nhưng chưa hết thời hạn được đương nhiên xóa án tích; tiền sự: Không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh từ ngày 12/5/2021 cho đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1992, nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thân Văn T2, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang là bạn của Nguyễn Văn K và cùng làm việc với K tại Campuchia. Ngày 20/4/2021,

T2 muốn về Việt Nam nên đã nhờ K liên lạc với Hồ Văn T nhờ đưa T2 về Việt Nam với chi phí thấp và được K đồng ý. Sau đó quản lý Công ty là Hoàng Văn T3 (không xác định được nhân thân, lý lịch) biết sự việc nên đã yêu cầu K liên lạc với T đưa Ma Thị N1, sinh năm 1993, địa chỉ: Xóm B, xã M, huyện H, tỉnh Thái Nguyên và Triệu Thị L, sinh năm 1996, địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Nguyên cùng về Việt Nam với T2. Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 20/4/2021, K sử dụng số điện thoại 0865.961.195 liên lạc với T số điện thoại 0364.052.641 để thuê T đưa T2, N1, L từ Campuchia về Việt Nam; tiền công T tự thỏa thuận với những người này nhưng lấy tiền công của T2 ít hơn vì T2 là bạn của K, T đồng ý. Sau đó T liên lạc với đối tượng tên R (người Campuchia, không xác định được nhân thân, lý lịch) để thuê R đón và đưa T2, N1, L từ Campuchia đến khu vực biên giới giáp Việt Nam giao cho T với giá 300USD/người.

Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, R liên lạc với T thông báo và hẹn địa điểm giao người. T rủ Đặng Ngọc B, Nguyễn Văn N và nói đi đón bạn của T; N và B đồng ý. Sau đó T, N, B mỗi người điều khiển một xe mô tô đi về hướng cửa khẩu Xa Mát đến khu vực vườn trà thì dừng lại. Tại đây T nói cho N, B biết là đưa người nhập cảnh trái phép từ Campuchia về Việt Nam và thỏa thuận trả công cho N, B mỗi người 1.000.000 đồng; N, B đồng ý. Sau đó 03 người để xe mô tô lại vườn trà và đi bộ về hướng biên giới. Khi đến khu vực cầu Đa Ha thì N dừng lại nghỉ; T và B tiếp tục đi đến biên giới Campuchia và gặp T2, N1, L đang đứng đợi. T, B đưa 03 người quay lại gặp N và cùng quay về địa điểm để xe. Sau đó T, B chở N1, L; N chở T2 điều khiển xe theo hướng từ xã L đến thị trấn B. Trên đường đi T yêu cầu N1, L trả tiền công số tiền 10.700.000 đồng/người, yêu cầu T2 trả tiền công số tiền 4.800.000 đồng, tổng cộng 26.200.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền vào số tài khoản 5707205258982 của ngân hàng Agribank, chủ tài khoản Nguyễn Thị Bích T1. Khi đến khu vực ngã ba thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh thì T, B, N dừng lại cho T2, N1, L gọi taxi đi về Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 21/4/2021, T và T1 sử dụng thẻ ATM của Nguyễn Thị Bích T1 rút số tiền 20.000.000 đồng, T mang số tiền này đến khu vực biên giới Campuchia rồi gọi điện thoại cho R thông báo đến nhận tiền. T đã trả công cho B số tiền 1.000.000 đồng, N chưa nhận tiền công. Sau khi biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện, ngày 24, 25/4/2021, T, B và N đến Công an xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh trình báo sự việc và khai báo y tế.

Tại cơ quan điều tra, Hồ Văn T, Đặng Ngọc B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn K đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra xác định khoảng tháng 01/2021, R liên lạc với T số điện thoại 0364.052.641 để thuê T đưa K và 02 người Việt Nam (01 nam, 01 nữ không xác định nhân thân, lý lịch) từ khu vực chợ L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh sang Campuchia giao cho R, tiền công thỏa thuận 1.000.000 đồng/người. R cho T số điện thoại của K và 02 người Việt Nam để liên lạc hướng dẫn đi đến khu vực chợ L. Sau đó T sử dụng xe mô tô Dream không biển số đưa 03 người theo hướng đường mòn đến gần khu vực cầu Đa Ha và để xe lại rồi đi bộ sang Campuchia giao cho R. R đã thanh toán tiền công cho T số tiền 3.000.000 đồng.

Tang vật thu giữ gồm:

- Thu giữ của bị cáo Hồ Văn T 01 (một) xe mô tô Dream Trung Quốc màu nâu, không có biển số và không có số máy, số khung; 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh – xám, số Imei 353198/05/278649/1 và 01 (một) sim số 0364052641;

- Thu giữ của bị cáo Đặng Ngọc B 01 (một) xe mô tô Dream Trung Quốc màu nâu, số máy VTT06JL1P52FMH002850, số khung VTIDCG012TL-001581, biển kiểm soát 95B1-035.75 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 003323 (mang tên Nguyễn Tuấn V);

- Thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) xe mô tô Honda Dream màu nâu, số máy C100MNE-0165450, số khung C100MN0165450, biển kiểm soát 70H5-4783;

- Thu giữ của chị Nguyễn Thị Bích T1 tiền Việt Nam 10.900.000 (mười triệu chín trăm nghìn) đồng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank số 9704051054161784 chủ thẻ Nguyễn Thị Bích T1;

Kết luận giám định số 19/KL-KTHS ngày 10/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận:

- 01 (một) xe mô tô loại xe Dream Trung Quốc màu nâu, số khung xóa, số máy xóa: Số khung và số máy bị đục xóa không xác định được số nguyên thủy;

- 01 (một) xe mô tô loại xe Dream Trung Quốc màu nâu, số khung VTIDCG012TL-001581, số máy VTT06JL1P52FMH002850: Số khung và số máy không bị đục xóa;

- 01 (một) xe mô tô loại xe Honda Dream màu nâu, số khung C100MN0165450, số máy C100MNE-0165450: Số khung và số máy không bị đục xóa.

Kết luận giám định số 949/KL-KTHS ngày 09/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Dấu vân tay in trên danh, chỉ bản số 208 lập ngày 16/5/2021 tại Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, họ tên: Đặng Ngọc B, sinh năm 1985, nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh với dấu vân tay in trên danh, chỉ bản số 105 lập ngày 27/4/2011 tại Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, họ tên: Đặng Văn B, sinh năm 1984, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh là của cùng một người.

Kết quả kê biên tài sản: Hồ Văn T, Nguyễn Văn K, Đặng Ngọc B, Nguyễn Văn N không có tài sản riêng có giá trị nên không tiến hành kê biên.

Bản Cáo trạng số 110/CT-VKSTB ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Hồ Văn T về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Đặng Ngọc B về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên giữ nguyên quan

điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hồ Văn T phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép”; bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Đặng Ngọc B phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm l khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hồ Văn T từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép”;

2. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm h, l khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”;

3. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm h, l khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”;

4. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm h, l khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Ngọc B từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”;

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hồ Văn T, Đặng Ngọc B thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên đã truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Văn K tranh luận: Theo quy định tại Điều 348 của Bộ luật Hình sự thì người nào tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép vì vụ lợi. Bản thân bị cáo không hưởng lợi ích gì từ việc tổ chức đưa T2, N1, L nhập cảnh trái phép của Hồ Văn T.

Bị cáo Nguyễn Văn N tranh luận: Khi bị cáo T nhờ bị cáo nói đi đón bạn giúp, sau này bị cáo mới biết là đưa người nhập cảnh trái phép. Bị cáo chỉ giúp bị cáo T, bị cáo không hưởng lợi số tiền nào.

Kiểm sát viên tranh luận: Bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N không hưởng lợi từ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép của bị cáo T. Tuy nhiên bị cáo K là người trực tiếp liên lạc với bị cáo T để yêu cầu đưa Thân Văn T2, Ma Thị N1, Triệu Thị L nhập cảnh trái phép, bị cáo K còn yêu cầu bị cáo T lấy tiền công của anh T2 thấp hơn chị N1, chị L. Hành vi của bị cáo K đã giúp bị cáo T hưởng lợi từ việc tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép số tiền 26.200.000 đồng.

Đối với bị cáo N là người trực tiếp dùng xe là phương tiện thuộc quyền sở hữu của mình để chở anh Thân Văn T2 từ khu vực biên giới đến khu vực thị trấn Tân

Biên, giúp bị cáo T hưởng lợi số tiền 4.800.000 đồng. Mặt khác trong quá trình chờ anh T2, bị cáo N còn trực tiếp kiểm tra việc anh T2 đã thực hiện việc chuyển khoản cho bị cáo T hay chưa.

Từ những căn cứ trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Bích T1 không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo T, K, N nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo B không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tây Ninh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến và không khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo:

[2.1] Sau khi được Nguyễn Văn K giới thiệu để đưa Thân Văn T2, Ma Thị N1, Triệu Thị L từ Campuchia vào lãnh thổ Việt Nam. Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 20/4/2021 tại khu vực biên giới thuộc ấp Tân Tiến, xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Hồ Văn T đã thực hiện hành vi liên lạc và thuê đối tượng tên R (người Campuchia, không xác định được nhân thân, lý lịch) đón Thân Văn T2, Ma Thị N1, Triệu Thị L từ Campuchia và đưa đến khu vực biên giới giáp Việt Nam giao cho T. Sau đó T cùng với Nguyễn Văn N, Đặng Ngọc B đưa T2, N1, L nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào lãnh thổ Việt Nam mà không có giấy phép theo quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh nhằm mục đích thu lợi bất chính số tiền 26.200.000 (hai mươi sáu triệu hai trăm nghìn) đồng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội và bị phát hiện, đến ngày 24, 25/4/2021 các bị cáo T, N, B đã tự nguyện ra trình diện và khai báo với Công an xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định khoảng tháng 01/2021, Hồ Văn T thực hiện hành vi đưa Nguyễn Văn K cùng 02 người Việt Nam (01 nam, 01 nữ không xác định nhân thân, lý lịch) từ khu vực chợ Tân Lập, xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến khu vực biên giới giáp Việt Nam để giao cho R đưa những người này xuất cảnh trái phép sang Campuchia và thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng. Hành vi của Hồ Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Nguyễn Văn N, Đặng Ngọc B khi được T nhờ đi đón bạn, không biết việc T tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Tuy nhiên sau khi biết việc T đưa người nhập cảnh trái phép từ Campuchia về Việt Nam, thỏa thuận trả công mỗi người 1.000.000 đồng, N và B đồng ý giúp T đón T2, N1, L từ khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia về khu vực thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Hành vi của Nguyễn Văn N, Đặng Ngọc B là đồng phạm với Hồ Văn T về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] Nguyễn Văn K là người trực tiếp dẫn dắt, làm trung gian, giới thiệu Thân Văn T2, Ma Thị N1, Triệu Thị L cho T để T tổ chức đưa những người này nhập cảnh trái phép. Hành vi của K đã dụ dỗ, kích động, thúc đẩy Hồ Văn T thực hiện tội phạm nên K phải chịu trách nhiệm hình sự với T về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự với vai trò là người xúi giục.

Bản Cáo trạng số 110/CT-VKSTB ngày 26/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Hồ Văn T về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Đặng Ngọc B về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh; xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú ở Việt Nam. Đặc biệt trước tình hình dịch Covid - 19 đang diễn biến hết sức phức tạp trên toàn quốc nói chung và tại địa phương tỉnh Tây Ninh nói riêng nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm và cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời phục vụ cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid – 19, thực hiện tốt việc tuyên truyền, đấu tranh, phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

Tính chất của đồng phạm, mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm:

Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Hồ Văn T là người chủ

muu lập kế hoạch, thỏa thuận chi phí vận chuyển với Thân Văn T2, Ma Thị N1, Triệu Thị L; chủ động liên lạc, thuê đối tượng tên R đưa người đến khu vực giáp biên giới và chuẩn bị phương tiện vận chuyển T2, N1, L vào lãnh thổ Việt Nam, trực tiếp nhận tiền công và trả công cho bị cáo B. Mặt khác, ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội ngày 20/4/2021 cùng các đồng phạm, bản thân bị cáo T còn tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép thời gian tháng 01/2021. Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

Bị cáo Nguyễn Văn K với vai trò là người xúi giục, thực hiện hành vi dụ dỗ, kích động, thúc đẩy bị cáo Hồ Văn T thực hiện tội phạm. Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo K mức hình phạt cao hơn các bị cáo N, B.

Bị cáo Nguyễn Văn N, Đặng Ngọc B thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành, trực tiếp cùng với bị cáo T đón T2, N1, L từ biên giới vào lãnh thổ Việt Nam và sử dụng phương tiện của mình để vận chuyển T2, N1, L về khu vực thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo N, B mức hình phạt bằng nhau tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố xét xử tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo đầy đủ, đúng sự thật những tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội đã thực hiện. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội và bị phát hiện, các bị cáo T, N, B đã tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo” và “đầu thú” được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đặng Ngọc B có ông ngoại là ông Trương Văn D được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo B.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo nhận thức rõ và biết được tình trạng dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trên toàn quốc. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia và của Bộ Y tế quy định về việc quản lý chặt chẽ các trường hợp nhập cảnh vào Việt Nam và phải thực hiện cách ly tập trung đối với người nhập cảnh. Nhưng các bị cáo đã lợi dụng tình trạng dịch bệnh Covid-19 để tổ chức cho Thân Văn T2, Ma Thị N1, Triệu Thị L nhập cảnh trái phép từ Campuchia về Việt Nam nhằm trốn tránh việc cách ly y tế và thu lợi bất hợp pháp. Bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Đặng Ngọc B đã bị kết án, chưa được xóa án tích nhưng các bị cáo lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm”, “Lợi dụng tình trạng dịch bệnh để phạm tội” được quy định tại điểm h, 1 khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Hình phạt áp dụng:

[6.1] Hình phạt chính: Bị cáo Nguyễn Văn K có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng bị cáo không sửa chữa những sai phạm của mình. Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[6.2] Hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác minh tài sản, khả năng tài chính xác định các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Chị Nguyễn Thị Bích T1 giao thẻ ATM của mình cho bị cáo Hồ Văn T quản lý, sử dụng. Chị T1 không biết việc bị cáo T sử dụng thẻ ATM này để thực hiện giao dịch thu lợi bất chính từ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tây Ninh không đề nghị xử lý là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Đối tượng tên Hoàng Văn T3 và đối tượng tên R không xác định được nhân thân, lý lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa tiến hành làm việc được, khi xác minh làm rõ có căn cứ sẽ xử lý sau;

- Hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của Thân Văn T2, Ma Thị N1, Triệu Thị L: Ngày 17/5/2021, Phó Trưởng Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T2, N1, L là có căn cứ

[8] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tiền Việt Nam 10.900.000 đồng thu giữ trong thẻ ATM của Nguyễn Thị Bích T1, trong đó bị cáo T trình bày số tiền thu lợi bất chính từ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép ngày 20/4/2021 là 6.200.000 đồng, bị cáo đã trả tiền công cho bị cáo B số tiền 1.000.000 đồng, trả cho R số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện việc bị cáo trực tiếp nhận của Thân Văn T2, Ma Thị N1 và Triệu Thị L số tiền là 26.200.000 đồng, đã trả cho bị cáo B 1.000.000 đồng. Bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thanh toán tiền cho đối tượng tên R số tiền 20.000.000 đồng, không xác định và làm việc được với đối tượng tên R. Do đó lời trình bày của bị cáo T là không có căn cứ, Hội đồng xét xử xác định số tiền bị cáo T thu lợi bất chính từ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép ngày 20/4/2021 là 26.200.000 đồng trong đó có số tiền 10.900.000 đồng thu giữ trong thẻ ATM của Nguyễn Thị Bích T1. Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền trên; truy tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo T số tiền thu lợi bất chính chênh lệch 14.300.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô Dream Trung Quốc màu nâu, không có biển số và không

có số máy, số khung và 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh – xám, số Imei 353198/05/278649/1 của bị cáo Hồ Văn T; 01 (một) xe mô tô Dream Trung Quốc màu nâu, số máy VTT06JL1P52FMH002850, số khung VTIDCG012TL-001581, biển kiểm soát 95B1-035.75 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 003323 (mang tên Nguyễn Tuấn V) của bị cáo Đặng Ngọc B; 01 (một) xe mô tô Honda Dream màu nâu, số máy C100MNE-0165450, số khung C100MN0165450, biển kiểm soát 70H5-4783 của bị cáo Nguyễn Văn N: Các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện để liên lạc, thực hiện hành vi đưa T2, N1, L nhập cảnh trái phép nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank số 9704051054161784 chủ thẻ Nguyễn Thị Bích T1 là tài sản hợp pháp của chị T1. Chị T1 không biết bị cáo T sử dụng trái phép thẻ ATM để giao dịch nhận tiền thu lợi bất hợp pháp nên cần trả lại cho chị T1. Tuy nhiên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích quyền được đòi lại tài sản nhưng chị T1 không yêu cầu nhận thẻ ATM trên, đây là tài sản không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) sim số 0364.052.641 bị cáo T sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội. Đây là vật chứng của vụ án và không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo Hồ Văn T là tiền thu lợi bất chính từ hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép tháng 01/2021; số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Đặng Ngọc B là tiền thu lợi bất chính từ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép ngày 20/4/2021 nên Hội đồng xét xử truy tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo Hồ Văn T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Đặng Ngọc B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm 1 khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép”, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 16/5/2021.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm h, l khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm h, l khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm h, l khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

5. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sim điện thoại số 0364.052.641; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank số 9704051054161784 chủ thẻ Nguyễn Thị Bích T1.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Tiền Việt Nam 10.900.000 (mười triệu chín trăm nghìn) đồng, 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh – xám, số Imei 353198/05/278649/1, 01 (một) xe mô tô Dream Trung Quốc màu nâu, không có biển số và không có số máy, số khung của bị cáo Hồ Văn T; 01 (một) xe mô tô Dream Trung Quốc màu nâu, số máy VTT06JL1P52FMH002850, số khung VTIDCG012TL-001581, biển kiểm soát 95B1-035.75 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 003323 (mang tên Nguyễn Tuấn V) của bị cáo Đặng Ngọc B; 01 (một) xe mô tô Honda Dream màu nâu, số máy C100MNE-0165450, số khung C100MN0165450, biển kiểm soát 70H5-4783 của bị cáo Nguyễn Văn N.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên và có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/10/2021).

- Truy tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 17.300.000 (mười bảy triệu ba trăm nghìn) đồng của bị cáo Hồ Văn T.

- Truy tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng của bị cáo Đặng Ngọc B.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hồ Văn T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Đặng Ngọc B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- Phòng KTNV.TA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ công an huyện Tân Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên;
- Phòng lý lịch - Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Hải